

Al Giảng Thuyết (7 bài)

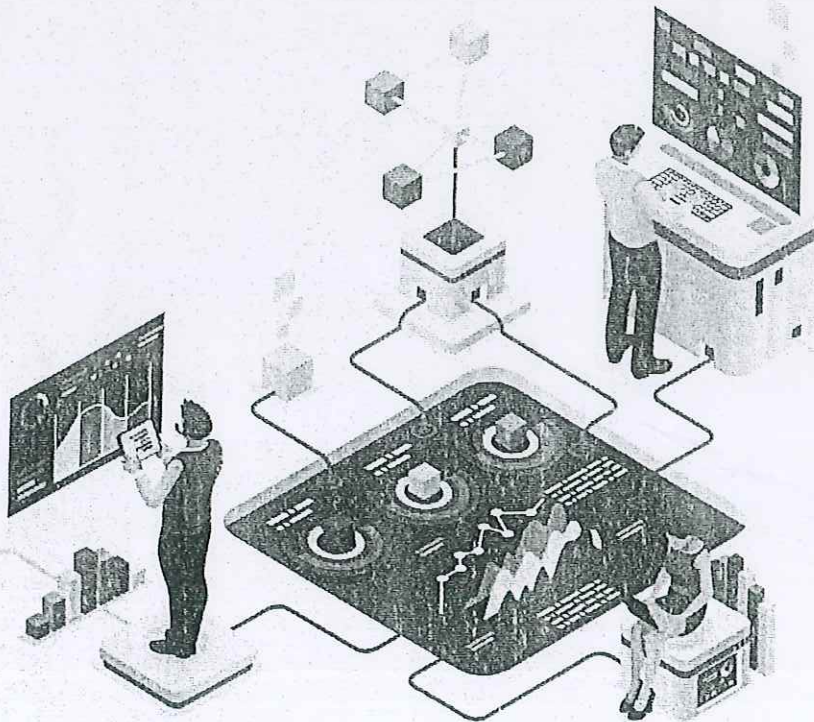


TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRẺ



KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC KINH TẾ TRẺ NĂM 2019

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI
TỰ DO (FTA) VIỆT NAM THAM GIA ĐẾN LỰC LƯỢNG
LAO ĐỘNG TRẺ VÀ NỀN KINH TẾ VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

MỤC LỤC

Tên bài/ Titles	Tác giả/Authors	Trang/No
Ảnh hưởng của lao động trẻ tới thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp trong điều kiện Việt Nam tham gia vào các Hiệp định Thương mại tự do	Lê Thị Yến	9
Bàn về thang bảng giá trị thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay	Hoàng Thùy Linh Vũ Thị Thu Hiền	23
Các yếu tố tài chính và phi tài chính ảnh hưởng đến tính độc lập của hội đồng quản trị của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn Vĩnh Khương Đỗ Thị Thu Liễu Trần Thị Phương Anh Nguyễn Thị Mỹ Giàu Nguyễn Mai Hân Ngô Thị Kim Mơ	36
Cơ hội và thách thức cho nguồn nhân lực Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và tham gia vào các Hiệp định Thương mại tự do FTA	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	51
CPTPP – lợi ích kinh tế và thách thức đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập	Phùng Thị Hồng Gấm	61
Hội nhập kinh tế quốc tế và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam	Ngô Thanh Phong	68
Hội nhập quốc tế và thương mại tự do: thời kỳ vàng cho hoạt động khởi nghiệp	Chung Ngọc Quế Chi	80
Mối quan hệ đa chiều giữa độ mở thương mại, công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát thải CO ₂ và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam	Nguyễn Hồ Diệu Linh Đỗ Thị Ngọc Hà Phan Nhật Quang	88
Một số vấn đề về ngân hàng khi Việt Nam thực hiện ký kết các FTA	Phạm Thị Giang Thùy	104
Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trước tác động các hiệp định của FTA	Nguyễn Hữu Vượng	114

Tên bài/ Titles	Tác giả/Authors	Trang/No
Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao nhằm tận dụng cơ hội từ CPTPP. Cách tiếp cận của chính phủ Việt Nam	Nguyễn Hoàng Tiến	124
Phát triển nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp có vốn đầu nước ngoài tại Việt Nam đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0	Phan Đức Dũng Huỳnh Hữu Nguyên	133
Tác động của biện pháp phi thuế quan tới chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam	Lê Thị An Đoàn Ngọc Thắng	145
Tác động của đặc điểm Ban Giám đốc và đặc điểm doanh nghiệp đến công bố trách nhiệm xã hội tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	Nguyễn Vĩnh Khương Trần Tử Hồ Đinh Thị Ngọc Hà Nguyễn Thị Phương Ngọc Nguyễn Phan Bảo Thi Cao Thị Tú Uyên	158
Tác động của FTAS đối với Việt Nam và lao động trẻ	Đào Minh Châu	170
Tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đối với thị trường lao động việc làm của Việt Nam	Nguyễn Mậu Hùng	178
Thách thức của Hiệp định CPTPP thiếu Mỹ đối với Việt Nam	Nguyễn Hoàng Tiến	195
The impact of fintech development on financial inclusion in asia countries	Đinh Thị Thanh Van Hoàng Thị Ngọc Anh	204
Thực trạng và giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực cạnh tranh hiệu quả của các doanh nghiệp vừa và nhỏ sau khi Việt Nam gia nhập FTA	Tạ Trần Trọng	218
Ý định theo đuổi công việc tại doanh nghiệp gia đình: nghiên cứu đối với sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Tuấn Dương Phan Minh Nam Lê Quỳnh Trang Nguyễn Thị Phước Thuyền	228

Đánh giá tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam tham gia đến lực lượng lao động trẻ và nền kinh tế Việt Nam

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGÂN HÀNG KHI VIỆT NAM THỰC HIỆN KÝ KẾT CÁC FTA

Phạm Thị Giang Thủy

Trường Đại học Văn Hiến

TÓM TẮT

Cùng với sự hội nhập sâu rộng trên toàn cầu, lĩnh vực tài chính - ngân hàng Việt Nam là một trong những lĩnh vực quan trọng làm cầu nối cho sự phát triển chung của các nền kinh tế. Các Hiệp định thương mại tự do (FTA), của các FTA (FTA và FTA mới-tức FTAs) - tham gia đàm phán/ký kết gần đây, là một trong các Hiệp định thương mại tự do có phổ rộng, hàm chứa nhiều cơ hội và thách thức... Kết quả tham luận nghiên cứu các vấn đề: (1) Cơ hội và thách thức của các FTA đối với ngân hàng; (2) Định hướng chiến lược của ngân hàng và (3) Giải pháp để ngân hàng Việt Nam thực thi hiệu quả các FTA.

Từ khóa: Ngân hàng, FTA, cơ hội và thách thức, định hướng, giải pháp.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Hòa chung dòng chảy hội nhập của đất nước, hội nhập ngành Ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng và đưa quan hệ của ta với các nước đối tác phát triển theo chiều sâu, tạo lợi thế đan xen và đạt được nhiều kết quả tích cực, khá toàn diện. Có thể nói, tiến trình hội nhập kinh tế và lĩnh vực ngân hàng nói riêng đã tạo nền tảng quan trọng giúp Việt Nam thu hút một dòng vốn nước ngoài lớn vào nền kinh tế nói chung và ngành dịch vụ tài chính nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho hệ thống ngân hàng nâng cao tính thanh khoản và tiếp cận các nguồn vốn có chi phí thấp trên thế giới. Bên cạnh đó, việc gia tăng cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài gia nhập thị trường tài chính ngân hàng Việt Nam, giúp thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ, kiến thức, năng lực điều hành và quản lý cấp cao. Các yếu tố tích cực này là đòn bẩy quan trọng để ngành Ngân hàng phát triển hiệu quả và phù hợp với các thông lệ trong khu vực và quốc tế... Tuy nhiên sau khi Việt Nam ký kết các hiệp định của các FTA và các tổ chức kinh tế quốc tế khác, ngành Ngân hàng một mặt có nhiều cơ hội, mặt khác gặp nhiều thách thức từ đó cần có các giải pháp chiến lược (lâu dài) cũng như các vấn đề thực tiễn đang đòi hỏi giải quyết.

2 CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CÁC FTA ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG

Việc ký kết các FTA, chú trọng hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần quan trọng đối với việc mở rộng thị trường dịch vụ tài chính nói chung và ngành ngân hàng nói riêng tại Việt Nam, hệ thống tài chính - ngân hàng cạnh tranh và mở cửa là một trong những tiền đề hỗ trợ hiệu quả cho phát triển và tăng trưởng kinh tế. Đây cũng là lý do khiến xu thế hội nhập quốc tế của ngành Ngân hàng ngày càng phổ biến và lan rộng.

Bên cạnh cơ hội, quá trình hội nhập nói chung trong hệ thống tài chính - ngân hàng, như những lợi ích không thể phủ nhận trong việc tiếp cận nguồn vốn, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm chuyên gia ngành Ngân hàng... xu thế hội nhập cũng đặt ra không ít thách thức cho ngành Ngân hàng trong quá trình điều chỉnh và cải cách để tiến đến một hệ thống ngân hàng phát triển bền vững và ổn định. Cụ thể:

Cơ hội

Một là: Hội nhập quốc tế mở ra cơ hội cho ngành ngân hàng Việt Nam được mở rộng, phát triển thị trường ra nước ngoài. Hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và tham gia FTA nói riêng, đã mở ra cho các ngân hàng Việt Nam một cơ hội tiếp cận thị trường ở nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng trong nước mở rộng hoạt động ra thị trường nước ngoài thông qua phương thức cung cấp dịch vụ trong khuôn khổ các FTA với gói cam kết bao gồm cả 4 phương thức: Cung cấp dịch vụ qua biên giới; Tiêu dùng ở nước ngoài; Hiện diện thương mại; Hiện diện thể nhân, nhưng đặc biệt được đề cập đến 2 phương thức là hiện diện thương mại và cung cấp dịch vụ qua biên giới.

Hai là: Cơ hội đa dạng hoá thị trường dịch vụ tài chính Việt Nam, nhận được sự hỗ trợ về tư vấn, đào tạo bồi dưỡng kiến thức mới từ các ngân hàng và các tổ chức tài chính nước ngoài, tạo ra cơ hội liên kết của các ngân hàng trong nước với ngân hàng nước ngoài. Liên kết với các ngân hàng nước ngoài giúp các ngân hàng trong nước có điều kiện tốt để tăng cường về khả năng phòng ngừa và xử lý rủi ro nhờ được hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật trong áp dụng công nghệ ngân hàng, kỹ năng quản trị và phát triển sản phẩm mới. Sự cọ sát trong hoạt động kinh doanh cũng là cơ hội để các ngân hàng trong nước nâng mình lên một tầm cao mới. Mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo các cam kết song phương và đa phương sẽ là điều kiện tốt để thu hút đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực tài chính, đồng thời các công nghệ ngân hàng, các kỹ năng quản lý tiên tiến được các ngân hàng trong nước tiếp thu thông qua sự liên kết hợp tác kinh doanh. Sự tham gia điều hành, quản trị các nhà đầu tư nước ngoài tại các ngân hàng trong nước là yếu tố quan trọng để cải thiện nhanh chóng trình độ quản trị kinh doanh ở các ngân hàng trong nước.

Ba là: Hội nhập kinh tế quốc tế nói chung trong đó có các FTA là cơ hội các ngân hàng Việt Nam nâng cao năng lực quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế, đã không ngừng đổi mới, sáng tạo, nâng cao tính minh bạch, công khai, và có cơ hội thể hiện

Đánh giá tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam tham gia đến lực lượng lao động trẻ và nền kinh tế Việt Nam

năng lực và trình độ của mình, cũng như được tham gia vào một sân chơi kinh doanh bình đẳng và mang tính chuyên nghiệp cao để không chỉ đứng vững mà còn khẳng định vị trí của mình trong khu vực và quốc tế. Khi thực hiện những cam kết hội nhập, sự can thiệp của Nhà nước vào hoạt động kinh doanh của các ngân hàng sẽ ngày càng giảm và hạn chế sự bảo hộ. Các ngân hàng trong nước buộc phải chuyên môn hóa sâu hơn các nghiệp vụ, nhanh chóng tiếp cận kinh nghiệm, kiến thức của các ngân hàng lớn, các tổ chức tài chính lớn và phát triển các dịch vụ ngân hàng mới, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn, khai thác và áp dụng hiệu quả hơn ưu thế của các loại hình ngân hàng nhằm mở rộng thị phần trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế. Hội nhập quốc tế buộc các ngân hàng trong nước phải hoạt động theo nguyên tắc thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh sẽ thúc đẩy hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng trong nước.

Thách thức

Bên cạnh những cơ hội thì các ngân hàng Việt Nam cũng phải đối diện với rất nhiều thách thức khi Việt Nam thực thi các cam kết trong các FTA:

Một là: Sức ép cạnh tranh của hệ thống ngân hàng ngày càng gay gắt: Việc mở cửa hội nhập, kéo theo một lượng lớn các ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh với tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý tham gia vào thị trường tài chính nội địa và sự cạnh tranh gay gắt giữa khối ngân hàng trong nước và các ngân hàng nước ngoài là điều khó có thể tránh khỏi. Tuy hiện nay các ngân hàng liên doanh, ngân hàng nước ngoài mới chỉ chiếm thị phần nhỏ trên thị trường Việt Nam 10-15% thị phần tín dụng, 5-7% thị phần huy động vốn), nhưng các ngân hàng nước ngoài có thế mạnh về chất lượng phục vụ và đa dạng dịch vụ, có sức hấp dẫn cao sẽ thu hút một lượng lớn khách hàng - là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và một bộ phận không nhỏ các doanh nghiệp, cá nhân trong nước. Điều này dẫn đến sự gia tăng thị phần của các ngân hàng ngoại và sự sụt giảm thị phần của các ngân hàng nội địa.

Hai là: Các ngân hàng trong nước phải đối mặt với xu hướng gia tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam: Việc mở cửa thị trường trong nước đồng nghĩa với việc gia tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các NHTM Việt Nam. Hiện nay, các NHTM Việt Nam đã chủ động tích cực chào bán cổ phiếu cho các cổ đông là tổ chức lớn nước ngoài, nâng dần tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các NHTM.

Trong khối các NHTM nhà nước cổ phần hóa, Vietinbank là ngân hàng có tỷ lệ sở hữu nước ngoài cao nhất, lên đến hơn 28,75% (03/2019). Trong số các NHTM cổ phần, tỷ lệ sở hữu nước ngoài nhìn chung có xu hướng gia tăng ở các ngân hàng có quy mô lớn và trung bình như ACB, EIB, TCB, VIB, VPB, khoảng từ 20-30%. Cá biệt, ACB có tỷ lệ sở hữu nước ngoài "kịch trần" 30% trong giai đoạn 2012 - 2014.

Ba là: Áp lực nâng cao chất lượng và dịch chuyển nguồn nhân lực tài chính ngân hàng chất lượng cao sang các tổ chức nước ngoài và khu vực: Trong thời kỳ phát triển, khu vực tài chính có thể thu hút được một lực lượng lớn lao động tham gia và là một trong

những khu vực có mức tiền lương cao, song trong thời kỳ khủng hoảng và suy thoái, lao động trong khu vực tài chính cũng là nhóm người dễ bị tổn thương nhất, phải chịu sức ép sa thải hoặc cắt giảm tiền lương.

Ngay cả khi không phải do sự suy giảm về xu hướng kinh doanh thì trong khu vực tài chính cũng luôn diễn ra một chu trình di chuyển lao động khắc nghiệt. Đó là việc cắt giảm lao động có tay nghề thấp để thay thế bằng lao động có tay nghề cao, điều này dễ xảy ra tình trạng chảy máu chất xám của lao động có tay nghề cao trong quá trình cạnh tranh. Vì thế, một trong những thách thức lớn của hệ thống ngân hàng Việt Nam là việc giữ chân nhân tài, tránh sự dịch chuyển nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam sang các nước khu vực.

Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần quan trọng đối với việc mở rộng thị trường dịch vụ tài chính nói chung và dịch vụ ngân hàng nói riêng tại Việt Nam. Bên cạnh những cơ hội, quá trình hội nhập nói chung trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng tiềm ẩn không ít rủi ro và thách thức, đòi hỏi hệ thống ngân hàng không ngừng đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị, để không chỉ đứng vững, mà còn khẳng định vị trí của mình trong khu vực và quốc tế.

Việc xác định và tận dụng tốt cơ hội cũng như ứng phó hiệu quả thách thức mà các FTA và tổ chức kinh tế quốc tế CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership) đem lại là điều kiện then chốt để không chỉ các NHTM, mà cả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ động ứng phó với nhiều tình huống có thể xảy ra, khi áp lực từ môi trường kinh tế quốc tế bên ngoài ngày một gia tăng dưới tác động của hội nhập, từ đó, tạo nền móng cho sự phát triển bền vững của khu vực ngân hàng Việt Nam.

Bốn là: Trước tác động của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư và qui định của các FTA. Nhiều ngân hàng ở các nước thành viên đã vận dụng cao các thành quả của cuộc cách mạng trên. Trong khi đó ngân hàng Việt Nam mới bước đầu vận dụng. Trước tình hình trên, đòi hỏi Nhà nước cũng như các tổ chức ngân hàng cần có các giải pháp cấp thiết thích ứng hoàn cảnh mới trong ngắn hạn và lâu dài.

3 ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG

Các FTA và các thỏa thuận song phương giữa các ngân hàng trung ương hứa hẹn mang lại nhiều cơ hội tiềm năng cho các NHTM Việt Nam vươn tầm hoạt động ra nước ngoài và các thị trường tài chính quốc tế, góp phần đa dạng hóa hoạt động, phân tán rủi ro và tăng thu phí dịch vụ, duy trì ổn định, thúc đẩy sự lớn mạnh của các ngân hàng trong nước, làm tăng hiệu quả hoạt động và góp phần nâng cao kinh nghiệm, hình ảnh, vị thế của NHTM Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Cùng với sự vận động phát triển của toàn nền kinh tế và sự "nở hoa" của các doanh nghiệp xuất khẩu có lợi thế cạnh tranh (như dệt may, da giày, nông, thủy sản...), ngành

Đánh giá tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam tham gia đến lực lượng lao động trẻ và nền kinh tế Việt Nam

Ngân hàng sẽ phát huy tối đa vai trò là cầu nối, kênh dẫn vốn hiệu quả giữa nền kinh tế và các doanh nghiệp, đồng thời mở rộng hệ thống thanh toán quốc tế giúp hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam trong việc mở rộng hoạt động tới các thị trường mới, qua đó, hiện thực hóa các cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng mang lại.

Trong quá trình hội nhập, Ngân hàng nhà nước (NHNN) sẽ tiếp tục đồng hành cùng các NHTM nói riêng và các doanh nghiệp trong nước nói chung để gia tăng năng lực cạnh tranh để tồn tại và phát triển, không chỉ ở trong nước mà còn mở rộng hoạt động ra khu vực và thế giới.

NHNN sẽ tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả của hợp tác và hội nhập quốc tế; củng cố và nâng cao vị thế của NHNN và Việt Nam tại các diễn đàn và tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế.

Trong thời gian tới, trong điều kiện nguồn lực công có những hạn chế nhất định, cùng lúc đó nợ công đang gia tăng và cần có các giải pháp đảm bảo an toàn trần nợ công, NHNN sẽ tích cực, chủ động tiếp cận các nhà tài trợ để thảo luận và tìm kiếm các cơ hội tiếp cận nguồn vốn có đặc thù ưu đãi từ các tổ chức tài chính quốc tế với mức chi phí thấp, không cần bảo lãnh chính phủ.

Để làm được điều này, NHNN mong muốn và khuyến khích sự tham gia và hợp tác chặt chẽ từ khu vực tư nhân trong quá trình hoạch định, thiết kế và triển khai các chính sách mới. Việc làm này sẽ giúp tạo động lực xây dựng cơ chế phù hợp để các doanh nghiệp có uy tín của Việt Nam tiếp cận được nguồn vốn với các đặc thù ưu đãi của các tổ chức tài chính quốc tế.

Để thành công trên con đường hội nhập với khu vực và thế giới, bên cạnh nỗ lực và quyết tâm của NHNN nói chung và các cán bộ hoạt động trong lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng nói riêng, sự quan tâm, ủng hộ và phối hợp chặt chẽ của các bộ, ban, ngành và khu vực tư nhân là một nhân tố quan trọng đảm bảo cho việc triển khai công tác hội nhập của ngành ngân hàng được nhịp nhàng và hiệu quả.

Sự chung tay của các bên sẽ vun đắp nỗ lực chung, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn ngành và quốc gia, từ đó mang lại thành tựu và lợi ích cho toàn thể người dân trong suốt tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước.

4 GIẢI PHÁP GIÚP NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỰC THI HIỆU QUẢ CÁC FTA

Tham gia các FTA nhất là FTAs có nghĩa kinh tế nói chung, ngành Ngân hàng Việt Nam nói riêng bước vào sân chơi lớn, chấp nhận đương đầu với các khó khăn, thách thức mới để cạnh tranh với các nước lớn. Để hội nhập quốc tế thành công, đòi hỏi sự phối hợp nhuần nhuyễn, chặt chẽ giữa các cấp, ngành trung ương và địa phương với sự phối nghiệp, hiệp hội; đồng thời, đẩy mạnh liên kết, hợp tác, chủ động ứng phó với doanh nghiệp, trao đổi kinh nghiệm để tìm ra các giải pháp đổi mới phù hợp, thúc đẩy phát triển bền vững về mọi mặt. Cụ thể:

Đối với Nhà nước

Thứ nhất: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu của kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế và cam kết trong các FTA với tinh thần đổi mới toàn diện, đồng bộ cả kinh tế và chính trị. Đặc biệt, cần nhanh chóng rà soát hoàn thiện khuôn khổ pháp lý chưa phù hợp với điều kiện áp dụng, hiện hành, cũng như chưa tương thích với các cam kết trong các FTA. Theo đó, cần nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các yêu cầu trong các FTA, để thiết lập danh mục các vấn đề về mặt thiết chế cần được xử lý...

Thứ hai: Để thực thi hiệu quả các cam kết trong tương lai, ít nhất là từ góc độ các nghĩa vụ bắt buộc, cần thiết lập một cơ chế chung, thống nhất, ở cấp Chính phủ với các mục tiêu như: Rà soát hệ thống pháp luật, để điều chỉnh đồng bộ pháp luật, kiểm soát tiến độ, hiệu quả điều chỉnh pháp luật theo cam kết... Cách thức vận hành của thiết chế này cũng cần được thiết kế phù hợp để đảm bảo khả năng chỉ đạo thống nhất việc thực thi trên thực tế.

Thứ ba: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin thông qua nhiều hình thức về các FTA mà Việt Nam đang tham gia, đặc biệt là các tổ chức ngân hàng, các doanh nghiệp vừa và nhỏ; tổ chức tập huấn cho các cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước các cấp và cộng đồng doanh nghiệp về các cam kết cụ thể có liên quan, bảo đảm hiểu rõ, hiểu đúng, từ đó giúp việc thực thi các hiệp định của các FTA đầy đủ và hiệu quả.

Thứ tư: Hoàn thiện các chính sách đầu tư (dự án đầu tư; tiến độ giải ngân...) nhằm mở rộng đầu tư trong và ngoài nước; phát triển thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa. Tăng cường đầu tư và hoàn thiện các chính sách nhằm đẩy mạnh và đổi mới công tác xúc tiến thương mại và đầu tư. Tăng cường giám sát, quản lý trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ năm: Tận dụng tối đa cơ hội từ các FTA mà Việt Nam tham gia, cụ thể: Tăng cường công tác nghiên cứu và dự báo thị trường (thị trường tài chính tiền tệ nói riêng và thị trường các ngành ngân hàng nói chung) trong nước và nước ngoài. Xây dựng hồ sơ ngành hàng/mặt hàng, hồ sơ thị trường. Xây dựng hệ thống cơ sở và cập nhật dữ liệu thị trường để từ đó đưa ra cảnh báo sớm cho doanh nghiệp và các nhà sản xuất, kinh doanh, từ đó đưa ra giải pháp ứng phó kịp thời. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp phụ trợ; Tăng cường các chính sách hỗ trợ phát triển logistics...

Đối với các tổ chức ngân hàng

Thứ nhất: Cập nhật thông tin thường xuyên về diễn biến quá trình thực thi các cam kết trong các FTA mà Việt Nam tham gia, đi đôi với việc tăng cường đầu tư nhập khẩu công nghệ hiện đại để hoạt động nghiệp vụ chất lượng cao; nâng cao năng lực cạnh tranh cho "sản phẩm" hoạt động tài chính ngân hàng.

Thứ hai: Đẩy mạnh tạo ưu thế cạnh tranh.

Đánh giá tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam tham gia đến lực lượng lao động trẻ và nền kinh tế Việt Nam

Trong nền kinh tế thị trường, ngân hàng là một loại doanh nghiệp đặc biệt sản phẩm vô hình, không tồn tại dưới dạng vật chất như các doanh nghiệp bình thường. Cạnh tranh được hiểu là một quá trình mà trong đó các doanh nghiệp đấu tranh, ganh đua nhau tìm mọi biện pháp để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng tối đa, thông qua đó đạt được các mục tiêu kinh tế chủ yếu của mình như lợi nhuận, thị phần và vị thế kinh doanh. Như vậy, cạnh tranh được chủ thể thực hiện nhằm mục đích cuối cùng là tối đa hóa lợi ích, đối với doanh nghiệp đó là lợi nhuận, đối với người tiêu dùng đó là sự thỏa mãn nhu cầu do tiêu dùng sản phẩm mang lại.

Trước hết, cạnh tranh bằng giá cả - Giá cả phản ánh giá trị của sản phẩm. Giá cả có vai trò quan trọng đối với quyết định của khách hàng. Đối với các NHTM, giá cả chính là lãi suất và mức phí áp dụng cho các sản phẩm, dịch vụ mà NHTM cung ứng cho các khách hàng.

Cạnh tranh bằng việc đa dạng hóa dịch vụ cung cấp: Để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các khách hàng, các NHTM phải cung cấp các dịch vụ tài chính ngân hàng đa dạng, độc đáo, tạo ra nét riêng biệt, tích cực nghiên cứu để đưa ra thị trường những sản phẩm dịch vụ mới với tính năng và tiện ích ưu việt hơn nhằm thay thế những sản phẩm hiện có. Nhờ đó, các NHTM có thể tạo ra và duy trì lợi thế của mình trong cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, giữ khách hàng cũ và thu hút thêm khách hàng mới.

Cạnh tranh bằng hệ thống phân phối: Tổ chức hoạt động tiêu thụ sản phẩm là khâu cuối cùng của quá trình kinh doanh. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm là hình thức cạnh tranh phi giá cả gây được sự chú ý và thu hút khách hàng. Kênh phân phối là phương tiện trực tiếp đưa sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng đến với khách hàng, đồng thời giúp ngân hàng nắm bắt chính xác và kịp thời nhu cầu của khách hàng, qua đó chủ động cải tiến, hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khách hàng. Trước đây, các NHTM thường phát triển mạnh mẽ mạng lưới chi nhánh để mở rộng thị phần và gây sức ép lên đối thủ cạnh tranh. Tuy nhiên, thời gian gần đây, các kênh phân phối hiện đại với ưu thế về nhiều mặt đang dần trở thành xu hướng chung được lựa chọn. Bao gồm: - Các chi nhánh tự động hóa hoàn toàn: Đặc điểm của kênh phân phối này là hoàn toàn do máy móc thực hiện dưới sự điều khiển trong hệ thống ngân hàng, nhất là đối với các chi nhánh lưu động. Ưu điểm của nó là chi phí thấp, hoạt động linh hoạt; - Ngân hàng điện tử (E_Banking): Hình thức phân phối này được thực hiện thông qua đường điện thoại hoặc máy vi tính. Nó cung cấp cho khách hàng rất nhiều tiện ích, tiết kiệm chi phí và thời gian, hoạt động được ở mọi lúc, mọi nơi. Các giao dịch được thực hiện thông qua các giao dịch điện tử bao gồm: Máy thanh toán tại điểm bán hàng, máy rút tiền tự động (ATM), ngân hàng qua điện thoại (Tel_Banking); - Ngân hàng qua mạng: Gồm 2 loại: Ngân hàng qua mạng nội bộ và Ngân hàng qua mạng Internet.

Thứ ba: Hoạt động của ngân hàng là một trong các lĩnh vực tiên quyết để các doanh nghiệp khác thuận lợi thực thi các hiệp định của các FTA, nhất là các điều khoản phi thuế quan (như lao động, môi trường, mua sắm của Chính phủ, DN nhà nước); Tăng cường kết nối và hợp tác với các DN nước ngoài để tăng cường khả năng tham gia vào chuỗi giá trị; Sẵn sàng vượt qua các hàng rào kỹ thuật về kiểm dịch, môi trường, an toàn thực phẩm, lao động và công đoàn; DN cần có sự chuẩn bị sẵn sàng cho các vấn đề phát sinh liên quan đến phòng vệ thương mại, sở hữu trí tuệ và các phát sinh khác liên quan đến những cam kết mới, phi truyền thống... Do đó ngành Ngân hàng cần mở rộng mạng lưới và tăng cường kết nối nghiệp vụ ngân hàng trong nước, và trên thế giới thông qua việc hình thành các bộ phận về hội nhập quốc tế trong từng tổ chức ngân hàng nhằm: Chuẩn bị và nâng cao khả năng xử lý những vấn đề mới về tài chính tiền tệ do tác động của các FTA...

Thứ tư: Tận dụng thành quả của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư để đầu tư, hoàn thiện kết cấu cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin để có thể hiện đại, tự động hóa hầu hết các quy trình nghiệp vụ ngân hàng, phát triển dịch vụ ngân hàng thông qua ứng dụng công nghệ số, xây dựng mô hình chi nhánh hiện đại, dựa vào nền tảng công nghệ tự động hóa, kết nối đa chiều và thông minh hóa của cách mạng số.

Thứ năm: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện chiến lược tài chính toàn diện, trong đó nhấn mạnh vai trò ứng dụng công nghệ thông tin, khuyến khích sự phát triển hợp tác giữa ngân hàng và các công ty tài chính công nghệ; Thúc đẩy hệ sinh thái phát triển, trở thành một phần của hệ sinh thái trong chuỗi cung ứng sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng hiện đại.

Thứ sáu: Liên kết với các trường đại học xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực ngành Ngân hàng, trong đó chú trọng đổi mới, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao; tăng khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng đội ngũ cán bộ ngân hàng đủ năng lực, phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu quản lý, kinh doanh ngân hàng, góp phần nâng cao sức cạnh tranh, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về trình độ so với khu vực và thế giới.

5 KẾT LUẬN

Sau khi ký kết các các hiệp định của các FTA và các tổ chức kinh tế khác; ngành Ngân hàng Việt Nam đã từng bước củng cố các mặt nội lực đồng thời mở rộng "chiến lược mở rộng thị trường ngân hàng" nhằm tăng cường nhiều mặt nguồn lực... Về mở cửa thị trường ngân hàng: Là một thành viên kết nạp sau của Tổ chức thương mại thế giới (WTO); sau khi ký các hiệp định các FTA; Việt Nam đã mở cửa lĩnh vực dịch vụ ngân hàng, tài chính tương đối cao so với các nước ngoài được phép hiện diện tại Việt Nam và thế giới. Tới nay, các ngân hàng nước ngoài được phép hiện diện tại Việt Nam dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: văn phòng đại diện, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh với số vốn góp nước ngoài không vượt quá 50% vốn

Đánh giá tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam tham gia đến lực lượng lao động trẻ và nền kinh tế Việt Nam

điều lệ, công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài và ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

Tác động của các hiệp định của các FTA, đồng thời cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư đang lan tỏa ảnh hưởng hết sức mạnh mẽ. Ngành Ngân hàng Việt Nam không nằm ngoài vòng xoáy đó. Để thích ứng với những thể chế mới, thành tựu mới; tránh tụt hậu, ngân hàng Việt Nam cần chủ động chuyển hướng nghiên cứu, đầu tư phát triển nhằm nắm bắt cơ hội, mở rộng cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng phù hợp trong và ngoài nước đến các đối tượng khách hàng... Cần có sự thống nhất và quyết tâm đổi mới ở tầm vĩ mô của Nhà nước, của toàn ngành Ngân hàng; sự phối kết hợp giữa các ngân hàng trong nước để nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận, vận dụng thành quả những tiến bộ khoa học kỹ thuật của cuộc Cách mạng số... để thực thi có hiệu quả các FTA ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Hiền, Đỗ Thị Bích Hồng (2017), Tác động của Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 tới lĩnh vực tài chính - ngân hàng, Tạp chí Tài chính;
- [2] Nguyễn Thị Diệu Hồng, Phạm Thanh Hà, Nguyễn Thị Thành Vinh (2018), Định hướng phát triển ngành ngân hàng trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0, Tạp chí Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương;
- [3] Nguyễn Hồng Sơn, Trần Thị Thanh Tú và cộng sự (2015), “Cơ hội và thách thức đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Phát triển kinh tế xã hội và ngành Ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập”.
- [4] Nguyễn Hồng Sơn, Trần Thị Thanh Tú và cộng sự. 2014, “Định dạng hệ thống ngân hàng sau tái cấu trúc”, Diễn đàn Kinh tế mùa thu 2014 do UNDP và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội tổ chức.
- [5] Hà Huy Tuấn (2013), “Hệ thống tài chính ngân hàng Việt Nam hậu WTO cần những bước đi cẩn trọng, bền vững”, Vietinbank: Trường đạo tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- [6] Kiều Hữu Triện (2013), “Thách thức đối với sự phát triển bền vững của hệ thống NHTM Việt Nam”, Tài liệu Hội thảo Học viện Ngân hàng.
- [7] Thủ tướng Chính phủ (2017), Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0.
- [8] <https://tinnhanhchungkhoan.vn/tien-te/dinh-huong-doi-ngoai-trong-linh-vuc-ngan-hang-nam-2018-goc-nhin-tu-dong-chay-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-230108.html>

ABSTRACT

Along with the extensive global integration, the financial and banking sector in Vietnam is one of the important areas to bridge the overall development of economies. Free trade agreements, of FTAs (new FTAs and FTAs) that have been negotiated / signed recently, are one of the free-trade agreements that have a wide spectrum and contain many opportunities and challenges.... The results of the research on the issues: (1) opportunities and challenges of FTAs for banks; (2) Strategic direction of the bank; (3) Solutions for Vietnamese banks to effectively implement FTAs

Keywords: Bank, FTA, Opportunities and challenges, Strategic direction, Solutions.

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRẺ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC KINH TẾ TRẺ NĂM 2019

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
(FTA) VIỆT NAM THAM GIA ĐẾN LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TRẺ
VÀ NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VÕ TUẤN HẢI

Biên tập : TRƯƠNG THANH SƠN
: PHẠM THỊ MAI
Thiết kế bìa : HOÀNG VIỆT
Trình bày : NGUYỄN THỊ LOAN
Sửa bản in : PHẠM THỊ MAI

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

70 Trần Hưng Đạo – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội

ĐT: (024) 3942 2443 Fax: (024) 3822 0658

Website: <http://www.nxbkhkt.com.vn> Email: nxbkhkt@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

28 Đồng Khởi – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3822 5062 Fax: (028) 3829 6628

Email: chinhanhnxbkhkt@yahoo.com.vn

In 100 bản, khổ 21cm x 29cm tại Công ty Cổ phần thương mại In Nhật Nam
Địa chỉ: 007 Lô I – KCN Tân Bình – Q. Tân Phú – TP. Hồ Chí Minh
Số ĐKXB: 4588 – 2019/CXBIPH/1-124/KHKT
Quyết định XB số: 183/QĐ-NXBKHKT, ngày 15/11/2019
Mã ISBN: 978-604-67-1424-8
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2019



KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC
KINH TẾ TRẺ
NĂM 2019

ĐIỀU HÀNH VÀ CHẤM DẤU TẠI ĐÂY
CHỖ CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BAN CHẤM DẤU



ĐƠN VỊ TỔ CHỨC



TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ
KINH DOANH

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRẺ

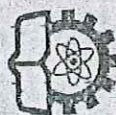


ĐƠN VỊ HỖ TRỢ



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM



VIỆN QUẢN LÝ KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT

GIẤY CHỨNG NHẬN

**HỘI NGHỊ KHOA HỌC KINH TẾ TRẺ NĂM 2019
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH
THƯƠNG MẠI TỰ DO (FTA) VIỆT NAM THAM GIA
ĐẾN LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TRẺ
VÀ NỀN KINH TẾ VIỆT NAM**